

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUES[®])

Công ty thành viên của JPA International

Trụ sở chính : 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, Tp.HCM

Tel : +84 (28) 3859 4168

Fax : +84 (28) 3859 2285

Email : contact@vietvalues.com

Website : www.vietvalues.com



BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẬP ĐIỆN THIÊN TRƯỜNG

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng Quản trị	02 - 05
2. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	06 - 07
3. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2020	08 - 09
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020	10
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020	11
6. Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020	12 - 25
7. Phụ lục số 01 – Tình hình tăng, giảm vốn chủ sở hữu	26



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Đầu tư Thiết bị và Xây lập Điện Thiên Trường (sau đây gọi tắt là "Công ty") là Công ty Cổ phần, được đăng ký thành lập lần đầu ngày 10 tháng 11 năm 2003 tại tỉnh Nam Định và đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 11 tháng 12 năm 2019 với Mã số doanh nghiệp 0600324084 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ : 29.550.000.000 đồng.

Công ty niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) với mã chứng khoán là KTT.

2. Trụ sở hoạt động

• Trụ sở chính

- Địa chỉ : CM/1021 Khu Đô thị mới Cầu Giấy, đường Dịch Vọng Hậu, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- Điện thoại : +84 (24) 6 268 3333
- Mã số thuế : 0 6 0 0 3 2 4 0 8 4

3. Ngành nghề kinh doanh

- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Kinh doanh khách sạn, nhà nghỉ;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Chi tiết: Cho thuê kho bãi, văn phòng, nhà xưởng;
- Vận tải hành khách đường bộ khác. Chi tiết: Vận tải hành khách theo hợp đồng bằng đường bộ;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, thủy lợi;
- May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú);
- Lắp đặt hệ thống điện. Chi tiết: Xây lắp đường dây và trạm biến áp điện;
- Sản xuất các sản phẩm từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện;
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Mua bán hàng thủ công mỹ nghệ;
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại. Chi tiết: Gia công cơ khí;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác. Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị thu công công trình;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông. Chi tiết: Mua bán điện thoại các loại; Đại lý dịch vụ bưu chính viễn thông;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Mua bán máy móc, thiết bị thi công công trình;
- Chuẩn bị mặt bằng. Chi tiết: San lấp mặt bằng;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Chi tiết: Mua bán lương thực, hàng nông, lâm thủy hải sản, phân bón nông nghiệp (trừ các loại Nhà nước cấm);
- Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục);
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Mua bán các thiết bị máy văn phòng, văn phòng phẩm, hóa chất ngành in;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẬP ĐIỆN THIÊN TRƯỜNG

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán sau tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu. Chi tiết: Mua bán khoáng sản (trừ các loại Nhà nước cấm);
- Sản xuất sản phẩm từ plastic. Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm từ nhựa;
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép;
- Khai khoáng khác chưa được phân vào đầu. Chi tiết: Khai thác khoáng sản (trừ các loại Nhà nước cấm);
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Mua bán vật liệu xây dựng, vật tư, thiết bị ngành điện;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ. Chi tiết: Xây dựng công trình giao thông;
- Doanh nghiệp phải đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh khi kinh doanh ngành, nghề đầu tư, kinh doanh có điều kiện theo quy định của pháp luật và đảm bảo duy trì đủ điều kiện đầu tư, kinh doanh đó trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh. Đối với ngành nghề kinh doanh có ghi mục chi tiết, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh trong phạm vi ngành, nghề chi tiết đã ghi.

4. Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

4.1 Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Trần Huy Phúc	Chủ tịch	16/05/2020	-
Lê Khánh Trinh	Chủ tịch	26/04/2019	16/05/2020
Nguyễn Đức Hiếu	Phó Chủ tịch	16/05/2020	-
Đặng Thùy Dương	Thành viên	16/05/2020	-
Nguyễn Thị Nhân	Thành viên	16/05/2020	-
Lương Thị Việt Hà	Thành viên	16/05/2020	-
Bùi Cảnh Hoàng	Phó Chủ tịch	26/04/2019	16/05/2020
Vũ Hoài Vũ	Phó Chủ tịch	26/04/2019	16/05/2020
Phạm Mai Anh	Thành viên	26/04/2019	16/05/2020
Nguyễn Sỹ Hoàng	Thành viên độc lập	26/04/2019	16/05/2020

4.2 Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Nguyễn Thùy Dung	Trưởng ban	16/05/2020	-
Trần Thị Hoa	Thành viên	16/05/2020	-
Phan Thị Hương	Thành viên	16/05/2020	-
Nguyễn Thành Trung	Trưởng Ban	26/04/2019	16/05/2020
Nguyễn Thế Lộc	Thành viên	26/04/2019	16/05/2020
Nguyễn Phi Hùng	Thành viên	26/04/2019	16/05/2020

4.3 Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Nguyễn Đức Hiếu	Tổng Giám đốc	06/05/2020	-
Hoàng Ngọc Lâm	Tổng Giám đốc	11/03/2020	06/05/2020
Vũ Hoài Vũ	Tổng Giám đốc	11/12/2019	11/03/2020
Hoàng Hữu Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	29/05/2019	-
Vũ Hoàng Nam	Phó Tổng Giám đốc	26/04/2019	-
Phạm Thị Huyền Trang	Kế toán trưởng	06/05/2020	-
Nguyễn Thị Thêm	Kế toán trưởng	11/12/2019	06/05/2020

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẬP ĐIỆN THIÊN TRƯỜNG

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán sau tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

5. Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Nguyễn Đức Hiếu	Tổng Giám đốc	06/05/2020	-
Hoàng Ngọc Lâm	Tổng Giám đốc	11/03/2020	06/05/2020
Vũ Hoài Vũ	Tổng Giám đốc	11/12/2019	11/03/2020

6. Đánh giá tình hình hoạt động

Kết quả hoạt động và tình hình tài chính của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 được thể hiện trong Báo cáo tài chính giữa niên độ từ trang 08 đến trang 26.

7. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Công ty đang thực hiện tái cơ cấu hoạt động kinh doanh, do vậy, trong năm Công ty tạm ngưng các hoạt động sản xuất kinh doanh. Công ty cam kết hoạt động trong những năm tiếp theo khi quá trình tái cơ cấu tài chính hoàn tất.

8. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Công ty.

9. Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách thận trọng.
- Nêu rõ các Chuẩn mực Kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẬP ĐIỆN THIÊN TRƯỜNG

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán sau tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

10. Phê duyệt Báo cáo tài chính

Chúng tôi, các thành viên Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Các báo cáo này đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày của Công ty, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.



NGUYỄN ĐỨC HIẾU

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2020.



Số: 2294/20/BCKT/AUD-VVALUES

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẬP ĐIỆN
THIÊN TRƯỜNG**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Thiết bị và Xây lắp Điện Thiên Trường (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 15 tháng 8 năm 2020, từ trang 08 đến trang 26, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về thông tin tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Thiết bị và Xây lắp Điện Thiên Trường tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến mục V.4 – Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ trong năm Công ty cho vay cá nhân và tổ chức với số tiền 15.000.000.000 đồng và số dư tại ngày 30 tháng 06 năm 2020 là 15.000.000.000 đồng. Các khoản cho vay nêu trên dưới hình thức vay tín chấp, không có các tài sản đảm bảo hoặc cam kết bảo lãnh của bên thứ ba. Ý kiến soát xét của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

Vấn đề khác

Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán TTP với ý kiến ngoại trừ do số liệu trên tờ khai thuế và số liệu trên sổ sách kế toán có sự chênh lệch. Các vấn đề nêu trên đã được Công ty điều chỉnh tờ khai và khai báo lại trong năm 2019. Vấn đề này không còn ảnh hưởng đến Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ của kỳ kế toán sáu tháng này và số liệu so sánh tương ứng của kỳ trước.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 8 năm 2020.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**)



Nguyễn Thanh Hồng – Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKH kiểm toán số 1512-2018-071-1
Chữ ký được ủy quyền

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu **VIETVALUES**.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020

ĐVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		35.762.010.057	36.638.240.689
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	140.793.887	6.061.350.398
111	1. Tiền		140.793.887	6.061.350.398
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		-	-
121	1. Chứng khoán kinh doanh		-	-
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		-	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		33.418.447.000	28.357.500.000
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.2	2.440.911.000	-
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.3	10.977.536.000	1.660.500.000
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	V.4	15.000.000.000	11.000.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	V.5	5.000.000.000	15.697.000.000
140	IV. Hàng tồn kho	V.6	2.190.971.900	2.218.500.000
141	1. Hàng tồn kho		2.190.971.900	2.218.500.000
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		11.797.270	890.291
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		-	-
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		11.797.270	135.000
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.9	-	755.291
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.334.733.450	118.131.886
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
220	II. Tài sản cố định		44.519.163	59.137.545
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.7	44.519.163	59.137.545
222	- Nguyên giá		71.572.727	71.572.727
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(27.053.564)	(12.435.182)
227	2. Tài sản cố định vô hình		-	-
228	- Nguyên giá		-	-
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		-	-
230	III. Bất động sản đầu tư		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		-	-
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		-	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		1.290.214.287	58.994.341
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.8	1.290.214.287	58.994.341
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		37.096.743.507	36.756.372.575

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẬP ĐIỆN THIÊN TRƯỜNG

Địa chỉ: C4/D21 Khu Đô thị mới Cầu Giấy, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		3.394.930.539	3.025.411.322
310	I. Nợ ngắn hạn		3.394.930.539	3.025.411.322
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.9	2.916.023.088	2.505.953.998
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		-	-
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.10	471.542.929	512.092.802
314	4. Phải trả người lao động		-	-
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		-	-
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	V.11	7.364.522	7.364.522
330	II. Nợ dài hạn		-	-
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn		-	-
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		33.701.812.968	33.730.961.253
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.12	33.701.812.968	33.730.961.253
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		29.550.000.000	29.550.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		-	-
413	3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu		-	-
415	4. Cổ phiếu quỹ (*)		-	-
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		4.151.812.968	4.180.961.253
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		4.180.961.253	1.949.028.656
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		(29.148.285)	2.231.932.597
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		37.096.743.507	36.756.372.575

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám Đốc



PHẠM THỊ HUYỀN TRANG

PHẠM THỊ HUYỀN TRANG

NGUYỄN ĐỨC HIẾU

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

ĐVT: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		2.219.010.000	3.544.203.303
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	2.219.010.000	3.544.203.303
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.2	2.218.500.000	3.388.803.634
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		510.000	155.399.669
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	253.669.030	746.699.631
22	7. Chi phí tài chính		-	2.770.000
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		-	2.770.000
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.4	484.616.279	1.646.028.348
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(230.437.249)	(746.699.048)
31	11. Thu nhập khác	VI.5	210.000.000	693.239.982
32	12. Chi phí khác	VI.6	3.241.343	101.780.698
40	13. Lợi nhuận khác		206.758.657	591.459.284
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(23.678.592)	(155.239.764)
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	V.7	5.469.693	137.080.244
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(29.148.285)	(292.320.008)
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.8	(10)	(99)
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.8	(10)	(99)

Người lập biểu

[Signature]

PHẠM THỊ HUYỀN TRANG

Kế toán trưởng

[Signature]

PHẠM THỊ HUYỀN TRANG



NGUYỄN ĐỨC HIỀU

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

ĐVT: VNĐ

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		(23.678.592)	(155.239.764)
	2. Điều chỉnh cho các khoản		14.618.382	(1.215.131.570)
02	- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	V.6	14.618.382	222.038.043
	- Các khoản dự phòng		-	-
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		-	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	VI.3, VI.	-	(1.439.939.613)
06	- Chi phí lãi vay	VI.4	-	2.770.000
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(9.060.210)	(1.370.371.334)
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(1.071.853.979)	(978.676.250)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		27.528.100	2.131.707.727
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		411.909.059	(296.086.831)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(1.231.219.946)	(558.581.408)
13	- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh		-	-
14	- Tiền lãi vay đã trả		-	(2.770.000)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	V.8	(47.859.535)	(157.218.288)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(1.920.556.511)	(1.231.996.384)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	V.6	-	-
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	VI.6	-	14.036.350.000
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(15.000.000.000)	(12.000.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		11.000.000.000	8.000.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	V.3	-	746.699.631
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(4.000.000.000)	10.783.049.631
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay		-	-
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		-	-
35	5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(5.920.556.511)	9.551.053.247
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)		6.061.350.398	6.077.394.779
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	V.1	-	-
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		140.793.887	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	V.1	-	15.628.448.026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Phạm Thị Huyền Trang

Phạm Thị Huyền Trang

PHẠM THỊ HUYỀN TRANG

PHẠM THỊ HUYỀN TRANG

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2020
 Tổng Giám Đốc

Nguyễn Đức Hiếu
 NGUYỄN ĐỨC HIẾU

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Thiết bị và Xây lắp Điện Thiên Trường (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, kinh doanh thương mại và dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty chủ yếu là xây lắp điện, sản xuất, mua bán thiết bị điện.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

Đối với hoạt động trồng và khai thác cao su có chu kỳ kinh doanh trên 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Các ngành nghề kinh doanh trong lĩnh vực xây dựng trong nước trải qua giai đoạn khó khăn khi đại dịch Covid-19 diễn ra phức tạp, gây ảnh hưởng đến tất cả các ngành nghề kinh doanh trong và ngoài nước. Công ty đang thực hiện tái cơ cấu hoạt động kinh doanh trong kỳ. Các yếu tố trên dẫn đến doanh thu của Công ty giảm sút đáng kể. Tuy nhiên, Công ty cam kết duy trì hoạt động trong những năm tiếp theo khi quá trình tái cơ cấu tài chính hoàn tất đồng thời gia tăng tìm kiếm khách hàng mở rộng thị trường kinh doanh.

6. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 06 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 11 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính này là Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài Chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có năm hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày đầu tư (có thời hạn gốc không quá ba tháng), có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chi bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.

03128
CÔNG
CH NHIE
TOÁN
HUA
S - TP.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

5. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Chi phí sửa chữa, cải tạo văn phòng

Chi phí sửa chữa, cải tạo nhà văn phòng phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chi được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa số và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 45/2013/TT-BTC. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	06 – 10

7. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

8. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

9. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

10. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Doanh thu bán hàng hoá:

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng

- Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy và được xác nhận bởi khách hàng thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán được khách hàng xác nhận. Các khoản tăng, giảm khi thực hiện hợp đồng, các khoản tiền thưởng và các khoản thanh toán khác chỉ được tính vào doanh thu khi đã thống nhất với khách hàng..
- Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương ứng với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

11. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa và các chi phí khác được tính vào giá vốn.

12. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm chi phí đi vay vốn, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác

13. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp: 20%.

15. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (đơn vị tính: VNĐ)

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Tiền mặt	105.933.425	1.056.830.506
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	34.860.462	5.004.519.892
Cộng	140.793.887	6.061.350.398

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải thu bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	2.440.911.000	-
- Công ty cổ phần Đầu tư Phú Bình Group	2.440.911.000	-
- Đối tượng khác	-	-
Cộng	2.440.911.000	-

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Trả trước cho bên liên quan</i>	10.499.036.000	-
- Công ty CP Đầu tư Thương mại Việt Phúc ⁽¹⁾	5.811.036.000	-
- Công ty CP Thương mại Quốc tế Việt Bắc ⁽²⁾	4.688.000.000	-
<i>Trả trước cho các khách hàng khác</i>	478.500.000	1.660.500.000
- Đối tượng khác	478.500.000	1.660.500.000
Cộng	10.977.536.000	1.660.500.000

- (1) Là khoản ứng trước tiền mua hạt như PET B284 theo hợp đồng kinh tế số 303/2020/HĐKT/KTT – VP ngày 30/03/2020 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Việt Phúc.
 (2) Là khoản ứng trước tiền mua hạt như PET B284 theo hợp đồng kinh tế số 88/2020/HĐKT/KTT – VP ngày 30/03/2020 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế Việt Bắc.

4. Phải thu về cho vay ngắn hạn	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải thu ngắn hạn khách hàng các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải thu ngắn hạn khách hàng các khách hàng khác</i>	15.000.000.000	11.000.000.000
- Nguyễn Kim Cường ⁽¹⁾	2.500.000.000	-
- Đào Mạnh Tuấn ⁽²⁾	2.000.000.000	-
- Nguyễn Thế Anh ⁽³⁾	2.000.000.000	-
- Nguyễn Thị Hiền ⁽⁴⁾	2.000.000.000	-
- Phan Trọng Tùng ⁽⁵⁾	2.500.000.000	-
- Nguyễn Huy Thành ⁽⁶⁾	1.500.000.000	-
- Phùng Thị Ngân ⁽⁷⁾	2.500.000.000	-
- Các đối tượng khác	-	11.000.000.000
Cộng(*)	15.000.000.000	11.000.000.000

- (1) Hợp đồng cho vay số 3006-1/2020/HĐVV ngày 30/06/2020, thời hạn vay 3 tháng, lãi suất cho vay 8%/năm.
 (2) Hợp đồng cho vay số 3006-2/2020/HĐVV ngày 30/06/2020, thời hạn vay 3 tháng, lãi suất cho vay 8%/năm.

- (3) Hợp đồng cho vay số 3006-3/2020/HĐVV ngày 30/06/2020, thời hạn vay 3 tháng, lãi suất cho vay 8%/năm.
- (4) Hợp đồng cho vay số 3006-4/2020/HĐVV ngày 30/06/2020, thời hạn vay 3 tháng, lãi suất cho vay 8%/năm.
- (5) Hợp đồng cho vay số 3006-5/2020/HĐVV ngày 30/06/2020, thời hạn vay 3 tháng, lãi suất cho vay 8%/năm.
- (6) Hợp đồng cho vay số 3006-6/2020/HĐVV ngày 30/06/2020, thời hạn vay 3 tháng, lãi suất cho vay 8%/năm.
- (7) Hợp đồng cho vay số 3006-7/2020/HĐVV ngày 30/06/2020, thời hạn vay 3 tháng, lãi suất cho vay 8%/năm.

(*) Tất cả các hợp đồng cho vay đều không có tài sản đảm bảo.

5. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu khác các bên liên quan	5.000.000.000	-
- Tạm ứng cho Bà Lương Thị Việt Hà ^(*)	2.500.000.000	-
- Tạm ứng cho Bà Nguyễn Thị Nhân ^(**)	2.500.000.000	-
Các khoản phải thu khác	-	15.697.000.000
- Tạm ứng các đối tượng khác	-	15.697.000.000
Cộng	5.000.000.000	15.697.000.000

(*) Khoản tạm ứng cho Bà Lương Thị Việt Hà – Thành viên Hội đồng quản trị Công ty. Mục đích tạm ứng: tạm ứng chi phí cho hoạt động tìm kiếm khách hàng và cơ cấu Công ty.

(**) Khoản tạm ứng cho Bà Nguyễn Thị Nhân – Thành viên Hội đồng quản trị Công ty. Mục đích tạm ứng: tạm ứng cho hoạt động phát triển thị trường của Công ty.

6. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	-	-	-	-
Công cụ, dụng cụ	-	-	-	-
Chi phí SXKD dở dang	-	-	-	-
Hàng hóa ^(*)	2.190.971.900	-	2.218.500.000	-
Cộng	2.190.971.900	-	2.218.500.000	-

(*) Hàng hóa là gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh và đang gửi tại kho của người bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẬP ĐIỆN THIÊN TRƯỜNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020

7. Tài sản cố định hữu hình

	<u>Máy móc, thiết bị</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá	71.572.727	71.572.727
Số đầu năm	-	-
Tăng trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
Số cuối kỳ	71.572.727	71.572.727
<i>Tài sản đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng</i>	-	-
Giá trị hao mòn		
Số đầu năm	12.435.182	12.435.182
Khấu hao trong kỳ	14.618.382	14.618.382
Giảm trong kỳ	-	-
Số cuối kỳ	27.053.564	27.053.564
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	59.137.545	59.137.545
Số cuối kỳ	44.519.163	44.519.163

8. Chi phí trả trước dài hạn

Tình hình biến động

	<u>06 tháng kết thúc ngày 30/06/2020</u>	<u>06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019</u>
- Số đầu năm	-	-
- Tăng trong kỳ	1.338.000.000	-
- Phân bổ trong kỳ	(47.785.713)	-
Số cuối kỳ	1.290.214.287	-
Chi tiết cuối kỳ		
Chi tiết	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí sửa chữa văn phòng	1.290.214.287	58.994.341
Cộng	1.290.214.287	58.994.341

9. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả người bán ngắn hạn các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả người bán đối tượng khác</i>	2.916.023.088	2.505.953.998
- Công ty TNHH VT và XD TM Hoàng Tiến	2.410.069.090	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phú Bình Group	440.350.000	2.440.350.000
- Các nhà cung cấp khác	65.603.998	65.603.998
Cộng	2.916.023.088	2.505.953.998

Trong kỳ Công ty không phát sinh khoản nợ phải trả quá hạn.

10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
- Thuế GTGT tiêu thụ nội địa	-	755.291	2.595.260	-	1.839.969	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	512.092.802	-	5.469.693	47.859.535	469.702.960	-
- Phí, lệ phí, phạt chậm nộp thuế	-	-	3.241.343	3.241.343	-	-
- Thuế nhà đất	-	-	-	-	-	-
- Các khoản thuế khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
Cộng	512.092.802	755.291	14.306.296	54.100.878	471.542.929	-

10a. Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

10b. Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(23.678.592)	(155.239.764)
Các khoản điều chỉnh tăng:	51.027.056	-
+ Chi phí không được trừ	51.027.056	-
Các khoản điều chỉnh giảm:	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	27.348.464	(155.239.764)
Thuế TNDN theo thuế suất hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải nộp	5.469.693	-
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	-	137.080.244
Tổng số thuế TNDN phải nộp	5.469.693	137.080.244

11. Vốn chủ sở hữu

11a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục số 01 đính kèm.

11b. Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Vốn cổ phần thường	Tỷ lệ (%)	Vốn cổ phần thường	Tỷ lệ (%)
- Ông Quách Tuấn Đạt	3.212.000.000	10,87%	3.212.000.000	10,87%
- Bà Triệu Thị Tuyết Trinh	1.671.500.000	5,66%	1.671.500.000	5,66%
- Các cổ đông khác	24.666.500.000	83,47%	24.666.500.000	83,47%
Cộng	29.550.000.000	100,00	29.550.000.000	100,00

Chi tiết Vốn chủ sở hữu của các cổ đông cập nhật tại ngày 30/06/2020.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẬP ĐIỆN THIÊN TRƯỜNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Vốn điều lệ đã góp	Vốn điều lệ còn phải góp
	29.550.000.000	29.550.000.000	-
Cộng	29.550.000.000	29.550.000.000	-

11c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	06 tháng kết thúc ngày 30/06/2020	06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	29.550.000.000	29.550.000.000
+ Vốn góp đầu năm	29.550.000.000	29.550.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	29.550.000.000	29.550.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

11d. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	29.550.000.000	29.550.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	2.955.000	2.955.000
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là Vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	2.955.000	2.955.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/Cp.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (đơn vị tính: VNĐ)

1. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ

	06 tháng kết thúc ngày 30/06/2020	06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019
- Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm, khác	2.219.010.000	3.542.882.015
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	1.321.288
Cộng	2.219.010.000	3.544.203.303

2. Giá vốn hàng bán

	06 tháng kết thúc ngày 30/06/2020	06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019
- Giá vốn hàng hóa, thành phẩm, khác	2.218.500.000	3.388.803.634
- Giá vốn cung cấp dịch vụ	-	-
Cộng	2.218.500.000	3.388.803.634

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẬP ĐIỆN THIÊN TRƯỜNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020

3. Doanh thu tài chính

Chủ yếu là lãi cho vay.

4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	06 tháng kết thúc ngày 30/06/2020	06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019
- Chi phí cho nhân viên	215.348.000	588.815.425
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	14.618.382	171.308.698
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	179.494.341	799.912.485
- Các chi phí khác	75.155.556	85.991.740
Cộng	484.616.279	1.646.028.348

5. Thu nhập khác

	06 tháng kết thúc ngày 30/06/2020	06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019
- Lãi từ thanh lý TSCĐ(*)	-	693.239.982
- Khác	210.000.000	-
Cộng	210.000.000	693.239.982

(*) Chi tiết gồm:

	06 tháng kết thúc ngày 30/06/2020	06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019
- Thu nhập từ thanh lý tài sản	-	14.036.350.000
- Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	-	13.343.110.018
Cộng	-	693.239.982

6. Chi phí khác

Chủ yếu là tiền truy thu và phạt chậm nộp thuế các năm trước.

7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019	06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019
- Chi phí nhân công	215.348.000	588.815.425
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	14.618.382	222.038.043
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	179.494.341	799.912.485
- Chi phí khác	75.155.556	85.991.740
Cộng	484.616.279	1.696.757.693

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	06 tháng kết thúc ngày 30/06/2020	06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(29.148.285)	(292.320.008)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(29.148.285)	(292.320.008)
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm (CP)	2.955.000	2.955.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/CP)	(10)	(99)

9. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	<u>06 tháng kết thúc ngày 30/06/2020</u>	<u>06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(29.148.285)	(292.320.008)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(29.148.285)	(292.320.008)
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm (CP)	2.955.000	2.955.000
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (đồng/CP)	(10)	(99)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (đơn vị tính: VNĐ)

1. Nợ tiềm tàng

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính không có yếu tố nào cho thấy có thể phát sinh khoản nợ tiềm tàng mà Công ty có nghĩa vụ phải thanh toán.

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

STT	Bên liên quan	Mối quan hệ
1.	Ông Nguyễn Đức Hiếu	Tổng Giám đốc
2.	Ông Hoàng Ngọc Lâm	Nguyên Tổng Giám đốc
3.	Ông Vũ Hoài Vũ	Nguyên Tổng Giám đốc
4.	Bà Phan Thị Huyền Trang	Kế toán trưởng
5.	Bà Nguyễn Thị Thâm	Nguyên Kế toán trưởng
6.	Bà Nguyễn Thùy Dung	Trưởng Ban kiểm soát
7.	Ông Nguyễn Thành Trung	Nguyên Trưởng Ban kiểm soát
8.	Công ty CP Thương mại Quốc tế Việt Bắc	Giám đốc Công ty CP TMQT Việt Bắc là thành viên HĐQT Công ty
9.	Công ty CP Đầu tư Thương mại Việt Phúc	Giám đốc Công ty CP TM Việt Phúc là thành viên HĐQT Công ty

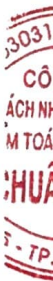
2a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt (bao gồm Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc)^(*)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Lương và thu nhập khác	89.544.077	119.160.000
- Cổ tức	-	-
Cộng	89.544.077	119.160.000

Giao dịch với các thành viên chủ chốt

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Tạm ứng cho Bà Lương Thị Việt Hà	2.500.000.000	-
- Tạm ứng cho Bà Nguyễn Thị Nhân	2.500.000.000	-
- Ông Vũ Hoài Vũ hoàn ứng	-	10.500.000.000



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẬP ĐIỆN THIÊN TRƯỜNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020

Giao dịch với các bên liên quan khác

Công ty CP Đầu tư Thương mại Việt Phúc

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Ứng trước tiền mua hàng (*)	5.811.036.000	-

(*) Là khoản ứng trước tiền mua hạt như PET B284 theo hợp đồng kinh tế số 303/2020/HĐKT/KTT VP ngày 30/03/2020 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Việt Phúc do Bà Lương Thị Việt Hà làm Tổng Giám đốc. Ngày 16/05/2020 Bà Lương Thị Việt Hà được bổ nhiệm chức vụ thành viên Hội đồng quản trị Công ty CP Đầu tư Thiết bị và Xây lắp điện Thiên Trường

Công ty CP Thương mại Quốc tế Việt Bắc

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Ứng trước tiền mua hàng (**)	4.688.000.000	-

(**) Là khoản ứng trước tiền mua hạt như PET B284 theo hợp đồng kinh tế số 88/2020/HĐKT/KTT VP ngày 30/03/2020 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế Việt Bắc do Bà Lương Thị Việt Hà làm Giám đốc. Ngày 16/05/2020 Bà Lương Thị Việt Hà được bổ nhiệm chức vụ thành viên Hội đồng quản trị Công ty CP Đầu tư Thiết bị và Xây lắp điện Thiên Trường.

Số dư với các thành viên chủ chốt xem tại mục V.3; V.5 – Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

3. Báo cáo bộ phận

Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

- Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

	Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	Doanh thu khác	Cộng
Kỳ này			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.219.010.000	-	2.219.010.000
Giá vốn hàng bán	2.218.500.000	-	2.218.500.000
Lợi nhuận gộp	510.000	-	510.000
Kỳ trước			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.542.882.015	1.321.288	3.544.203.303
Giá vốn hàng bán	3.388.803.634	-	3.388.803.634
Lợi nhuận gộp	154.078.381	1.321.288	155.399.669

- Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Trong năm, toàn bộ hoạt động của Công ty là toàn bộ trên lãnh thổ Việt Nam.

4. Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục

Công ty hiện nay đang tái cơ cấu tài chính, do vậy hoạt động kinh doanh giảm sút. Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty cam kết hoạt động trong những năm tiếp theo khi quá trình tái cơ cấu tài chính hoàn tất. Vì vậy, Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập trên cơ sở hoạt động liên tục.

5. Các Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Công ty đang thực hiện tái cơ cấu hoạt động kinh doanh, do vậy, trong kỳ doanh thu và nhân sự của Công ty giảm sút đáng kể. Công ty cam kết hoạt động trong những năm tiếp theo khi quá trình tái cơ cấu tài chính hoàn tất.

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2020

Người lập biểu



PHẠM THỊ HUYỀN TRANG

Kế toán trưởng



PHẠM THỊ HUYỀN TRANG



NGUYỄN ĐỨC HIẾU



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẬP ĐIỆN THIÊN TRƯỜNG

Địa chỉ: C4/D21 Khu Đô thị mới Cầu Giấy, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội

Phụ lục 02

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

PHỤ LỤC SỐ 01: TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
A	1	2	3=2+1
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019			
Tại ngày 01/01/2019	29.550.000.000	1.949.028.656	31.499.028.656
Tăng trong kỳ	-	(292.320.008)	(292.320.008)
- Lãi trong năm	-	(292.320.008)	(292.320.008)
Giảm trong kỳ	-	-	-
Tại ngày 30/06/2019	29.550.000.000	1.656.708.648	31.206.708.648
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2020			
Tại ngày 01/01/2020	29.550.000.000	4.180.961.253	33.730.961.253
Tăng trong kỳ	-	(29.148.285)	(29.148.285)
- Lãi trong năm	-	(29.148.285)	(29.148.285)
Giảm trong kỳ	-	-	-
Tại ngày 30/06/2020	29.550.000.000	4.151.812.968	33.701.812.968

Người lập biểu

PHẠM THỊ HUYỀN TRANG

Kế toán trưởng

PHẠM THỊ HUYỀN TRANG



NGUYỄN ĐỨC HIẾU